

1. Chị Nguyễn Hèn T, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: Xóm G, xã T, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Xóm P, xã L, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/10/2020 Đỗ Văn H một mình đi bộ quanh Xóm P, xã L, Huyện P với mục đích xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi H đi đến nhà chị Nguyễn Thị N ở cùng xóm với H thấy cổng không khóa, H đi vào sân nhà của N rồi đi xuống bếp gần khu vực phòng tắm thì thấy có tiếng hai người đang nói chuyện bên trong nhà tắm. H quan sát xung quanh bếp thấy trên bàn ăn có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng của chị N để ở trên bàn ăn, H tiến đến gần bàn ăn dùng tay cầm điện thoại cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi mang về nhà lấy điện thoại ra xem thì thấy điện thoại bị khóa mật khẩu và có nhiều cuộc gọi nhưng H không nghe và để ở chế độ im lặng rồi đi ngủ. Sau khi chị N cùng với bạn là Nguyễn Hèn T ở phòng tắm ra thì phát hiện bị mất điện thoại để trên bàn nên đã mượn điện thoại của chị T lắp sim thuê bao số 0368.209.713 gọi nhiều lần vào máy điện thoại bị mất lắp sim thuê bao số 0966.457.680 nhưng H không nghe máy. Chị N đã trình báo sự việc đến Công an xã L, Huyện P, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện P xử lý theo thẩm quyền.

Sáng ngày 10/10/2020, H tháo sim điện thoại của chị N ra lắp vào điện thoại Nokia 216 của H thì thấy số điện thoại 0368.209.713 tiếp tục gọi điện đến nhưng H không nghe máy, nghĩ rằng số điện thoại 0368.209.713 là của chị N nên H đã dùng sim 0966.457.680 ở điện thoại trộm cắp được nhắn tin đến số điện thoại 0368.209.713 hỏi ‘ai đấy’ thì chị N nhắn lại là “cho xin chuộc lại điện thoại”. H biết chiếc điện thoại của chị N không mở được mật khẩu, nếu bán sẽ được ít tiền mà H đang cần tiền trả nợ nên sau đó H và chị N nhắn tin trao đổi về nội dung chuộc điện thoại. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi H và chị N gặp nhau tại cổng làng Thanh Vân thuộc xã T, Huyện H, tỉnh Bắc Giang trao đổi về việc chuộc điện thoại thì bị tổ công tác của Công an Huyện P phát hiện, H đã tự giác giao nộp chiếc điện thoại Iphone Xsmax đã trộm cắp được của chị N và một điện thoại Nokia 216 của H đang sử dụng, một xe mô tô không có BKS. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, niêm phong vật chứng và đưa H cùng vật chứng về

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện P đề điều tra làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn H đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Ngày 21/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã kiểm tra điện thoại, sim điện thoại của chị N bị H trộm cắp, của chị T và của H bị thu giữ phát hiện nhiều nội dung tin nhắn về việc trao đổi giữa H và chị N về việc hẹn chuộc lại điện thoại, phù hợp với lời khai của bị hại là chị N, người làm chứng là chị Nguyễn Hèn T và Đỗ Văn H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45 ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện P kết luận chiếc điện thoại Iphone Xsmax 64GB màu vàng H trộm cắp của chị N có giá trị là 13.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị N đã nhận lại chiếc điện thoại bị H trộm cắp và không yêu cầu H phải bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKSPB, ngày 17/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét. Về xử lý vật chứng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại của bị cáo do sử dụng vào việc phạm tội. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, Kiểm sát viên, trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/10/2020, tại nhà chị Nguyễn Thị N thuộc Xóm P, xã L, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Đỗ Văn H đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax 64 GB màu vàng có giá trị là 13.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị N. Tài sản là chiếc điện thoại H trộm cắp của chị N đã được thu hồi và trả lại cho chị N quản lý sử dụng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an N, trật tự của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, cần có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xác minh lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max 64GB màu vàng đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại có số seri 019319 mà bị cáo Đỗ Văn H đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị N đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện P thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị N quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216 niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A4 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước do bị cáo H đã sử dụng vào việc phạm tội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh không có biển kiểm soát thu giữ của H, quá trình điều tra H không xuất trình được giấy chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[9] Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam Đỗ Văn H với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2020.

3. Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam Đỗ Văn H với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216 niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A4.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2020 giữa Công an Huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện P).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Đỗ Văn H; bị hại chị Nguyễn Thị N, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND Huyện P;
- Cơ quan điều tra CA Huyện P;
- CQTHAHS Công an Huyện P;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS Huyện P;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang